

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28-7-2022

V/v ly hôn giữa anh T và chị D

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Gấm.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Định.

2. Bà Trần Thị Thanh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Ninh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trần Hoàng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Đỗ Đình T, sinh năm 1985;

Cư trú tại: Thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định. “Có mặt”.

2. **Bị đơn:** Chị Lê Thị D, sinh năm 1989;

ĐKKHKT tại: Thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi ở hiện nay: Thôn P, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định. “Có mặt”.

NỘI D VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 14-5-2022, bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Đỗ Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lê Thị D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 08-4-2011 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau thời gian kết hôn anh chị sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, hay cãi chửi nhau dẫn đến hạnh phúc gia đình mất dần. Anh và chị D đã chấm dứt quan hệ vợ chồng và sống ly thân từ tháng 10-2016 đến nay. Từ thời điểm anh chị sống ly thân, hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa.

Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm T, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, anh không thể tiếp tục kéo dài cuộc hôn nhân này nữa, anh xin được ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung là các cháu Đỗ Minh Đ, sinh ngày 13-01-2012 và cháu Đỗ Quỳnh T, sinh ngày 30-10-2013. Từ thời điểm anh chị sống ly thân thì cháu Đ được anh nuôi dưỡng; cháu T được chị D nuôi dưỡng. Ly hôn, anh nhận được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ, để chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện nay anh đang làm nghề thợ mộc, thu nhập trung bình là 9.000.000đ/tháng nên đảm bảo đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản, công nợ và những nội D khác liên quan: Anh T không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 25-5-2022 và trong quá trình tố tụng chị Lê Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Lời khai của anh T về thời gian và điều kiện kết hôn, thời gian sống ly thân giống như lời khai của anh T. Theo chị D, sau ngày kết hôn anh chị sống hạnh phúc đến tháng 3-2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T ham chơi, không chịu lao động, khi chị nói thì anh T đánh chị, anh T đã đánh chị 02 lần vào thời điểm chị sinh con được gần một tháng và vào thời điểm chị chuyển ra ngoài sống ly thân. Đến thời điểm này chị không còn tình cảm với anh T nữa, nay anh T xin ly hôn, chị cũng xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là các cháu Đỗ Minh Đ, sinh ngày 13-01-2012 và cháu Đỗ Quỳnh T, sinh ngày 30-10-2013. Từ khi anh chị sống ly thân thì cháu T được chị nuôi dưỡng, cháu Đ được anh T nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con, tuy nhiên nếu chỉ được nuôi 01 con thì chị sẽ nhận nuôi cháu Đ, để anh T nuôi dưỡng cháu T, 02 bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hiện nay chị đang làm nghề thợ may, thu nhập từ 7.000.000đồng đến 10.000.000 đồng/tháng nên đảm bảo đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 28 tháng 6 năm 2022, chính quyền địa phương cung cấp như sau:

Anh Đỗ Đình T và chị Lê Thị D đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V vào ngày 08-4-2011. Sau kết hôn anh T, chị D sinh sống và làm ăn tại địa phương. Năm 2016 anh chị sống ly thân, chị D chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở thôn P, xã M, huyện V sinh sống một thời gian, sau đó đi làm ăn nhưng vẫn thường xuyên đi về địa phương. Anh T và chị D đều có nguyện vọng ly hôn,

đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để chấp nhận nguyện vọng của các bên.

Anh Đỗ Đình T và chị Lê Thị D có 02 con chung là các cháu Đỗ Minh Đ, sinh ngày 13-01-2012 và cháu Đỗ Quỳnh T, sinh ngày 30-10-2013. Từ khi anh chị sống ly thân thì cháu Đỗ Minh Đ được anh T nuôi dưỡng, cháu học tập tại trường Tiểu học xã M, huyện V; cháu Đỗ Quỳnh T được chị D nuôi dưỡng, có thời gian chị D làm việc bên thành phố Ninh Bình thì cháu T cũng theo mẹ ở đó. Anh T và chị D không thống nhất được người nuôi con sau ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào hoàn cảnh thực tế của các bên để giao con cho người nào nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo cho các cháu được học tập và phát triển bình thường.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử:

- + Về quan hệ hôn nhân: Xử thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Đình T và chị Lê Thị D

- + Về con chung:

Giao cháu Đỗ Minh Đ, sinh ngày 13-01-2012 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Đ trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

Giao cháu Đỗ Quỳnh T, sinh ngày 30-10-2013 cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu T trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- + Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Đương sự xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- + Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đỗ Đình T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định, do đó Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định đã thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1

Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Đình T và chị Lê Thị D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 08-4-2011 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định. Như vậy, hôn nhân của anh T và chị D là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, hay cãi, chửi nhau dẫn đến hạnh phúc gia đình mất dần;. Như vậy, trong thời gian chung sống vợ chồng anh T và chị D không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, vợ chồng không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không gìn giữ, bảo vệ hạnh phúc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, anh chị đã sống ly thân từ nhiều năm nay. Như vậy, việc này trái với quy định tại Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử xác định, tình trạng hôn nhân gia đình giữa anh T và chị D trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh chị cũng nhất trí ly hôn do đó Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của anh chị, xử thuận tình ly hôn giữa anh T và chị D là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Con chung của anh chị là các cháu Đỗ Minh Đ, sinh ngày 13-01-2012 và cháu Đỗ Quỳnh T, sinh ngày 30-10-2013. Hội đồng xét xử nhận thấy, từ thời điểm anh T và chị D sống ly thân thì cháu Đ được anh T nuôi dưỡng, cháu T được chị D nuôi dưỡng. Cháu Đ và cháu T đều được học tập và phát triển bình thường như những đứa trẻ khác. Các cháu đã quen với môi trường học tập và sinh sống. Để đảm bảo sự ổn định về môi trường sống và học tập của các cháu; cháu T còn nhỏ và là con gái nên cần sự chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ. Anh Đ và chị D đều có sức khỏe, có thu nhập ổn định nên đều đủ điều kiện được nuôi con vì vậy, Hội đồng xét xử giao cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ, chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu T là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản, công nợ và các nội dung khác liên quan: Anh T và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Đình T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử thuận tình ly hôn giữa Anh Trần Đình T và chị Lê Thị D.

2. Về con chung:

- Giao cháu Đỗ Minh Đ, sinh ngày 13-01-2012 cho anh Đỗ Đình T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Đ trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được (hiện nay cháu Đ đang ở với anh T).

- Giao cháu Đỗ Quỳnh T, sinh ngày 30-10-2013 cho chị Lê Thị D tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu T trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được (hiện cháu T đang ở cùng chị D)..

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đỗ Đình T phải nộp 300.000 đồng. Anh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0001459 ngày 25-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được đối trừ (Anh T đã nộp xong).

4. Quyền kháng cáo: Anh Đỗ Đình T và chị Lê Thị D được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã M;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Gấm